

**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CẤP HỌC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

STT	Nội dung	Khung mức thu theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP (đồng/tháng)	Mức thu theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND (đồng/tháng)	Mức thu năm học 2020-2021 (đồng/tháng)
A	B	1	2	3
I	Trường mầm non			
1	Thành thị (phường, thị trấn)	60.000 - 300.000	70.000	70.000
2	Nông thôn (xã)	30.000 - 120.000	35.000	35.000
II	Trung học cơ sở			
1	Thành thị (phường, thị trấn)			
a	Lớp 6	60.000 - 300.000	65.000	65.000
b	Lớp 7			
c	Lớp 8			
d	Lớp 9			
2	Nông thôn (xã)			
a	Lớp 6	30.000 - 120.000	35.000	35.000
b	Lớp 7			
c	Lớp 8			
d	Lớp 9			
III	Trung học phổ thông			
1	Đối với các lớp phổ thông dạy chương trình đại trà			
a	Thành thị (phường, thị trấn)	60.000 - 300.000		

STT	Nội dung	Khung mức thu theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP (đồng/tháng)	Mức thu theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND (đồng/tháng)	Mức thu năm học 2020-2021 (đồng/tháng)
-	Lớp 10		80.000	80.000
-	Lớp 11			
-	Lớp 12			
b	Nông thôn (xã)	30.000 - 120.000	40.000	40.000
-	Lớp 10			
-	Lớp 11			
-	Lớp 12			
2	Đối với trường chuyên, các lớp phổ thông dạy theo chương trình chuyên			
a	Thành thị (phường, thị trấn)	60.000 - 300.000	90.000	90.000
-	Lớp 10			
-	Lớp 11			
-	Lớp 12			
b	Nông thôn (xã)	30.000 - 120.000	90.000	90.000
-	Lớp 10			
-	Lớp 11			
-	Lớp 12			
IV	Trung tâm giáo dục thường xuyên		Áp dụng học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn	